

NGHIÊN CỨU CÂY LÀM THUỐC TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN BẮC HƯỚNG HOÁ, TỈNH QUẢNG TRỊ

Trần Minh Hợi¹, Lương Thị Thu Hương², Nguyễn Quang Anh³

TÓM TẮT

Nguồn cây thuốc chiếm vị trí quan trọng tại khu Bảo tồn thiên nhiên (BTTN) Bắc Hướng Hoá, tỉnh Quảng Trị. Đã điều tra thống kê được 440 loài cây làm thuốc thuộc 348 chi của 137 họ trong 5 ngành thực vật bậc cao có mạch, trong đó ngành Mộc lan có số họ, số chi và số loài nhiều nhất, ngành Thông đất là ít nhất về số họ, số chi và số loài. Trong ngành Mộc lan thì lớp Mộc lan chiếm ưu thế với số họ (103), số chi (295) và số loài (390); lớp Loa kèn chỉ có 22 họ, 40 chi và 38 loài. Có 5 họ nhiều loài nhất (trên 10 loài) là họ Cúc (35 loài), họ Đậu (28 loài), họ Thêu đầu (22 loài), họ Dâu tằm (16 loài) và họ Cà phê (13 loài). Các loài cây thuốc cần bảo vệ: 17 loài trong Sách Đỏ Việt Nam, 2007; 14 loài trong Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam, 2006 và 7 loài trong Nghị định 32/CP/2006. Có một số loài có trữ lượng lớn tại chỗ có thể cho khai thác sử dụng làm thuốc cho cộng đồng dân tộc địa phương.

Từ khoá: Cây làm thuốc, cây thuốc quý, hiếm.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khu Bảo tồn thiên nhiên (BTTN) Bắc Hướng Hoá (huyện Hướng Hoá) đã được UBND tỉnh Quảng Trị ra Quyết định thành lập số 479/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2007 với tổng diện tích là 25.200 ha (vùng lõi), gồm 5 xã: Hướng Lập, Hướng Phùng, Hướng Sơn, Hướng Linh và Hướng Việt. Khu BTTN Bắc Hướng Hoá cách trung tâm huyện Hướng Hoá khoảng 50 km về phía bắc của tỉnh Quảng Trị, có vị trí địa lý rất quan trọng, nằm trên trục đường Hồ Chí Minh nhánh Tây. Phía bắc giáp với tỉnh Quảng Bình, phía tây giáp với nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào, phía đông và phía nam giáp với 6 xã của huyện Hướng Hoá và Vĩnh Linh. Do vị trí địa lý và các điều kiện về địa hình, khí hậu, đất đai, sông suối trong vùng hình thành nên nhiều kiểu rừng như: Rừng kín thường xanh nhiệt đới, rừng kín hỗn giao giữa lá rộng-lá kim á nhiệt đới, rừng tre nứa, rừng trên núi đá vôi. Khu vực này còn là rừng phòng hộ đầu nguồn xung yếu của 4 con sông: Bến Hải, Cam Lộ, Xê Păng Hiêng và Rào Quán. Với cảnh quan đẹp, nơi đây có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái dọc theo tuyến đường Hồ Chí Minh qua các bản làng của người dân tộc Vân Kiều và Pa cô.

Trong bài báo này, chúng tôi trình bày kết quả điều tra, đánh giá các loài thực vật dùng làm thuốc và giá trị sử dụng của chúng tại khu BTTN Bắc Hướng Hoá.

II. ĐỐI TƯỢNG, MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu: Cây làm thuốc mọc tự

nhiên tại khu BTTN Bắc Hướng Hoá

2. Nội dung:

Đánh giá sự đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc ở khu BTTN Bắc Hướng Hoá

3. Phương pháp nghiên cứu

Điều tra thực địa cây thuốc theo tuyến và ô tiêu chuẩn

Điều tra theo phương pháp PRA

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thành phần loài thực vật dùng làm thuốc

Qua điều tra trong khu vực, chúng tôi đã thống kê được 440 loài cây làm thuốc thuộc 348 chi của 137 họ trong 5 ngành (Lycopodiophyta, Equisetophyta, Polypodiophyta, Pinophyta và Magnoliophyta) thực vật bậc cao có mạch (bảng 1); trong đó ngành Mộc lan (Magnoliophyta) có số họ (125), chi (335) và loài (428) nhiều nhất, tiếp đến là ngành Dương xỉ Polypodiophyta) có 7 họ, 7 chi và 7 loài, ngành Cỏ tháp bút (Equisetophyta) có số họ (1), chi (1) và loài (2), ngành Thông đất (Lycopodiophyta) có số họ (1), số chi (1) và số loài (1) ít nhất. Trong ngành Mộc lan, lớp Mộc lan (Magnoliopsida) có 103 họ, 295 chi và 390 loài; lớp Loa kèn (Liliopsida) có 22 họ, 40 chi và 38 loài.

Bảng 1. Thành phần thực vật làm thuốc tại khu Bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hoá

TT	Ngành thực vật	Họ	Chi	Loài
1	Ngành Thông đất (Lycopodiophyta)	1	1	1
2	Ngành Cỏ tháp bút (Equisetophyta)	1	1	2
3	Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta)	7	7	7
4	Ngành Thông (Pinophyta)	1	2	2
5	Ngành Mộc lan (Magnoliophyta)	125	335	428
	Lớp Mộc lan (Magnoliopsida)	103	295	390
	Lớp Loa kèn (Liliopsida)	22	40	38
	Tổng số	135	346	440

¹ PGS.TS. Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật; ² Đại học Nông lâm Thái Nguyên; ³ Trường THPT Cao Bá Quát - Quốc Oai - Hà Tây

Các họ có nhiều loài làm thuốc là Họ Cúc (Asteraceae) – 35 loài; họ Đậu (Fabaceae) – 28 loài; họ Thầu dầu (Euphorbiaceae) – 22 loài; họ Dâu tằm (Moraceae) – 16 loài; họ Cà phê (Rubiaceae) – 13 loài; họ Na (Annonaceae) – 7 loài; họ Trúc đào (Apocynaceae) – 6 loài; họ Hoà thảo (Poaceae) – 6 loài; họ Ô rô (Acanthaceae) – 5 loài; họ Vang (Caesalpiniaceae) – 5 loài; họ Bạc hà (Lamiaceae) – 5 loài; họ Trôm (Sterculiaceae) – 4 loài; họ Rau dền (Amaranthaceae) – 4 loài; họ Long não (Lauraceae) – 4 loài; họ Bông (Malvaceae) – 4 loài; họ Tiết dề (Menispermaceae) – 4 loài; họ Sim (Myrtaceae) – 3 loài; họ Cam (Rutaceae) – 3 loài; họ Bồ hòn (Sapindaceae) – 3 loài; họ Hoa mõm chó (Scrophulariaceae) – 3 loài; họ Đơn nem (Myrsinaceae) – 3 loài; họ Rau răm (Polygonaceae) – 3 loài; họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae) – 3 loài; họ Ráy (Araceae) – 2 loài; họ Hoa tán (Apiaceae) – 2 loài; họ Ngũ gia bì (Araliaceae) – 2 loài; họ Thiên lý (Asclepiadaceae) – 2 loài; họ Mần mần (Capparaceae) – 2 loài; họ Khoai lang (Convolvulaceae) – 2 loài; họ Mua (Melastomataceae) – 2 loài; họ Mộc hương (Aristolochiaceae) – 2 loài; họ Cà (Solanaceae) – 2 loài; Họ Lan (Orchidaceae) – 2 loài; họ Dương đào

(Actinidiaceae) – 2 loài; họ Dương xỉ (Polypodiaceae) – 1 loài; họ Đào lộn hột (Anacardiaceae) – 1 loài; họ Dây gối (Celastraceae) – 1 loài; họ Ban (Hypericaceae) – 1 loài; họ Trinh nữ (Mimosaceae) – 1 loài; họ Rau dứa (Onagraceae) – 1 loài; họ Gai (Urticaceae) – 1 loài; họ Thu hải đường (Begoniaceae) – 1 loài; họ Vòi voi (Boraginaceae) – 1 loài; họ Cải (Brassicaceae) – 1 loài; họ Bứa (Clusiaceae) – 1 loài; họ Bàng (Combretaceae) – 1 loài; họ Bí (Cucurbitaceae) – 1 loài; họ Nhài (Oleaceae) – 1 loài; họ Chua me đất (Oxalidaceae) – 1 loài; họ Táo (Rhamnaceae) – 1 loài; họ Thanh thất (Simaroubaceae) – 1 loài; họ Cau dừa (Arecaceae) – 1 loài; họ Khúc khắc (Smilacaceae) – 1 loài; ...

2. Các loài cây thuốc cần bảo vệ

Trong 17 loài có trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), có 6 loài thuộc nhóm Nguy cấp - EN (Endangered), 11 loài thuộc nhóm Sẽ nguy cấp - VU (Vulnerable). Có 14 loài trong Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam (2006): 5 loài EN, 9 loài VU. Có 7 loài trong Nghị định 32/CP/2006 (1 loài IA và 6 loài IIA). Kết quả thống kê ở bảng 2.

Bảng 2. Danh lục các loài làm thuốc ở khu BTTN Bắc Hướng Hóa có trong Sách Đỏ Việt Nam, Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam và Nghị định 32/CP (24 loài)

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Sách Đỏ VN 2007	DLĐCT VN 2006	NĐ 32/CP/2006
1.	<i>Drynaria bonii</i> Christ.	Tắc kè đá	VU	VU	
2.	<i>Nageia wallichiana</i> (Presl) O.Ktze	Kim giao đất		VU	
3.	<i>Rauvolfia cambodiana</i> Pierre ex Pit.	Ba gác lá to	VU	VU	
4.	<i>Rauvolfia verticillata</i> (Lour.) Baill.	Ba gác vòng	VU	VU	
5.	<i>Aristolochia indica</i> L.	Son dịch	VU	VU	
6.	<i>Cibotium barometz</i> (L.) J. Smith.	Cầu tích		VU	
7.	<i>Cephalotaxus mannii</i> Hook. f.	Đinh tùng	VU	VU	
8.	<i>Markhamia stipulata</i> (Wall.) Seem. ex Schum.	Kè đuôi nhông	VU		II A
9.	<i>Codonopsis javanica</i> (Blume) Hook.f. & Thoms.	Đảng sâm	VU	EN	II A
10.	<i>Euonymus chinensis</i> Lindl.	Đỗ trọng tía	EN		
11.	<i>Illicium parvifolium</i> Merr.	Hồi lá nhỏ		VU	
12.	<i>Fibraurea tinctoria</i> Lour.	Hoàng đằng			II A
13.	<i>Stephania brachyandra</i> Diels	Bình vôi nhị ngắn	EN	EN	II A
14.	<i>Stephania hernandiifolia</i> (Willd.) Spreng.	Dây mối			II A
15.	<i>Stephania longa</i> Lour.	Lôi tiền			II A
16.	<i>Morinda officinalis</i> How	Ba kích		EN	
17.	<i>Ardisia silvestris</i> Pitard	Lá khô	VU		
18.	<i>Meliantha suavis</i> Pierre	Rau sắng	VU		
19.	<i>Kadsura heteroclita</i> (Roxb.) Craib.	Na leo	VU		
20.	<i>Aquilaria crassna</i> Pierre ex Lecomte	Trầm hương	EN	EN	
21.	<i>Tribulus terrestris</i> L.	Tật lê	EN		
22.	<i>Anoetochilus setaceus</i> Blume	Lan kim tuyến	EN		I A
23.	<i>Tacca integrifolia</i> Ker.-Gawl.	Ngải rơm	VU	VU	
24.	<i>Paris polyphylla</i> Smith	Trọng lâu nhiều lá	EN	EN	

Ghi chú: EN (Endangered) - Nguy cấp; VU (Vulnerable) - Sẽ nguy cấp; IA - Nghiêm cấm khai thác sử dụng vì mục đích thương mại; IIA - Hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại.

Trong số các loài cần chú ý bảo vệ, đáng chú ý là các loài sau:

Tắc kè đá (*Drynaria bonii* Christ.). Thân rễ được sử dụng chữa phong tê thấp, đau lưng.... Cấp phân hạng: VU (SĐVN, 2007; DLĐCTVN, 2006).

Kim giao đất (*Nageia wallichiana* (Presl.) O. Ktze): Đây là loài cây hạt trần phân bố rải rác ở khu vực có độ cao từ 700m. Chủ yếu là những cây nhỏ tái sinh từ hạt có số lượng không nhiều. Vỏ sắc uống chữa viêm cổ họng, ho ra máu. Cấp phân hạng: VU (DLĐCTVN, 2006).

Ba gác vòng (*Rauvolfia verticillata* (Lour.) Baill.): Rễ trị huyết áp cao, đau đầu, mất ngủ, choáng váng. Cấp phân hạng: VU (SĐVN, 2007; DLĐCTVN, 2006).

Ba gác lá to (*Rauvolfia cambodiana* Pierre ex Pitard): Cây bụi nhỏ, cao từ 0,5-1m, cây phân bố ở ven rừng thứ sinh, ven suối ở độ cao từ 500-700 m. Cây được sử dụng chữa huyết áp. Cấp phân hạng: VU (SĐVN, 2007; DLĐCTVN, 2006).

Bình vôi nhị ngắn (*Stephania brachyandra* Diels). Dây leo, mọc trong rừng ẩm, có rễ củ phình to. Rễ củ được dùng để làm thuốc an thần, trị sốt, hen suyễn. Cấp phân hạng: EN (SĐVN, 2007; DLĐCTVN, 2006) và nhóm IIA – hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại (NĐ 32/CP).

Hoàng đằng (*Fibraurea tinctoria* Lour.): Dây leo to, dài. Mọc rải rác trong rừng thưa. Đây là cây thuốc quý, trong cây có chứa palmatin. Cây sử dụng làm thuốc chữa viêm ruột, ỉa chảy, sốt rét. Phân hạng nhóm IIA – hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại (NĐ 32/CP).

Đàng sâm (*Codonopsis javanica* (Blume) Hook. f. & Thoms.). Dây leo cuốn, có củ dài dùng làm thuốc bổ. Chữa mệt mỏi, kém ăn, ho, thiếu sữa, đại tiện lỏng (rễ). Cấp phân hạng: VU (SĐVN, 2007); EN (DLĐCTVN, 2006) và nhóm IIA – hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại (NĐ 32/CP).

Ngài rơm (*Tacca integrifolia* Ker.-Gawl.). Thân rễ làm thuốc điều hoà kinh nguyệt, chữa viêm gan, viêm loét dạ dày. Trong thân rễ còn có diosgenin, là nguyên liệu bán tổng hợp thuốc chống viêm, hoóc môn sinh dục và thuốc tránh thai. Cấp phân hạng: VU (SĐVN, 2007; DLĐCTVN, 2006).

Trầm hương (*Aquilaria crassna* Pierre ex Lecomte): Trước đây khu vực này có rất nhiều trầm hương. Do khai thác cạn kiệt, loài trầm đã trở nên rất hiếm hâu

như không còn những cây trầm có đường kính trên 20 cm, chủ yếu là những cây nhỏ, phân bố rải rác tại khu bảo tồn. Cấp phân hạng: EN (SĐVN, 2007; DLĐCTVN, 2006).

Trọng lâu nhiều lá (*Paris polyphylla* Smith.): Làm thuốc thanh nhiệt, giải độc, tiêu sưng chỉ thống, lương can định kinh. Thân rễ giả đắp chữa rắn cắn, ngã bị sưng. Cấp phân hạng: EN (DLĐCTVN, 2006).

Ba kích (*Morinda officinalis* How): Rễ trị phong thấp, hạ huyết áp. Cấp phân hạng: EN (DLĐCTVN, 2006).

Cỏ nhung (*Anoetochilus roxburghii* (Wall.) Wall. ex Lindl.): Trị lao phổi, phong thấp, đau dạ dày mãn tính. Cấp phân hạng: EN (SĐVN, 2007; DLĐCTVN, 2006) và nhóm IIA – hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại (NĐ 32/CP).

Cầu tích (*Cibotium barometz* (L.) J. Smith.): Chữa phong hàn, tê thấp, đau lưng, đau nhức chân tay, đau dây thần kinh tọa. Cấp phân hạng: VU (DLĐCTVN, 2006).

Đinh tùng (*Cephalotaxus mannii* Hook. f.): Cấp phân hạng: VU (SĐVN, 2007; DLĐCTVN, 2006).

Hoàng tinh cách (*Disporopsis longifolia* Craib.): Thân rễ được dùng làm thuốc bổ, chữa đau lưng, thấp khớp. Cấp phân hạng: EN (DLĐCTVN, 2006).

3. Khả năng khai thác sử dụng

Nhiều loài có trữ lượng lớn trong thiên nhiên có thể cho khai thác ở mức độ hợp lý và đảm bảo sự tái sinh của cây con như: Thiên môn đông (*Asparagus cochinchinensis* (Lour.) Merr.); Bách bộ (*Stemona tuberosa* Lour.), Hà thủ ô nam (*Streptocaulon juvenas* Merr.), Củ bình vôi (*Stephania brachyandra* Diels, *Stephania hernandiifolia* (Willd.) Spreng., *Stephania longa* Lour.), Hoa khôm (*Trachyspermum roxburgianum* (DC.) H. Wolff.), Lòng mức trung bộ (*Wrightia annamensis* Eberh. et Dub.), Bộ mây (*Clerodendrum cyrtophyllum* Turcz), Song nho trung bộ (*Ampelopsis annamensis* Gagnep.), Dây vàng đắng (*Coscinium fenestratum* (Gaertn.) Colebr.), Cầm vân (*Jasminum subtriplinerve* Blume), Thiên niên kiện (*Homalomena occulta* (Lour.) Schott), Gỏi hạc trắng (*Leea guineensis* Blume G. Don), Máu chó lá nhỏ (*Knema globularia* (Lamk.) Warb.), Dung giấy (*Symplocos laurina* (Retz) Wall. var. *acuminata* (Miq.) Brand), Cầm kêch (*Smilax bracteata* Presl.), Lầu (*Psychotria rubra* (Lour.) Poir.), Núc nác (*Oroxylum indicum* (L.) Kurz), Đỗ trọng nam (*Parameria laevigata* (Juss.) Mold), Chân - chim

(*Schefflera heptaphylla* (L.) Frodin), Sầu đâu cắt chuột (*Brucea javanica* (L.) Merr.), Bá bệnh (*Eurycoma longifolia* Jack subsp. *longifolia*), Bông bông (*Dracaena angustifolia* Roxb.)...

Người dân địa phương cũng đã biết khai thác sử dụng một số loài cây thuốc này trong việc chữa trị một số loại bệnh thông thường. Tuy nhiên, khi khai thác phải chú ý tới tái sinh tự nhiên. Áp dụng triệt để quy trình kỹ thuật khai thác đối với từng loài về trạng thái cây được khai thác, thời điểm khai thác, cách thức khai thác,... Đặc biệt cấm khai thác những loài cây thuốc trong Sách Đỏ Việt Nam và Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam nêu trong bảng 2.

IV. KẾT LUẬN

Nguồn cây làm thuốc ở khu BTTN Bắc Hướng Hoá có 440 loài thuộc 348 chi của 137 họ trong 5 ngành thực vật bậc cao có mạch; trong đó ngành Mộc lan (Magnoliophyta) có số họ, chi và loài nhiều nhất, ngành Thông đất (Lycopodiophyta) có số họ, chi và loài ít nhất. Trong ngành Mộc lan, lớp Mộc lan (Magnoliopsida) có 103 họ, 295 chi và 390 loài; lớp Loa kèn (Liliopsida) có 22 họ, 40 chi và 38 loài.

Có 5 họ nhiều loài làm thuốc (trên 10 loài) là: Họ Cúc (Asteraceae) – 35 loài; họ Đậu (Fabaceae) – 28 loài; họ Thầu dầu (Euphorbiaceae) – 22 loài; Họ Dâu tằm (Moraceae) – 16 loài và họ Cà phê (Rubiaceae) – 13 loài.

Các loài cây thuốc cần bảo vệ: 17 loài trong Sách Đỏ Việt Nam, 2007 (6 loài thuộc nhóm Nguy cấp - EN,

11 loài thuộc nhóm Sẽ nguy cấp - VU. Có 14 loài trong Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam, 2006 (5 loài EN, 9 loài VU). Có 7 loài trong Nghị định 32/CP/2006 (1 loài IA và 6 loài IIA).

Có một số loài có trữ lượng lớn tại chỗ có thể cho khai thác sử dụng làm thuốc cho cộng đồng dân tộc địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- (1) Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Sách Đỏ Việt Nam. Phần II- Thực vật. NXB. Khoa học tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội, 610 trang.
- (2) Chính phủ Việt Nam (2006). Nghị định 32/NĐ/CP/2006 về Quản lý và Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý hiếm.
- (3) Nguyễn Văn Tập (2006). *Danh lục Đỏ cây thuốc Việt Nam năm 2006*. Tạp chí Dược liệu, tập 11, số 3/2006.
- (4) Nguyễn Tiến Bân (1997). *Cẩm nang tra cứu và nhận biết các họ thực vật Hạt kín ở Việt Nam*. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, 532 trang.
- (5) Nguyễn Tiến Bân (Chủ biên), 2003. *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*, Tập 2. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, 1023 trang.
- (6) Nguyễn Tiến Bân (Chủ biên), 2005. *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*, Tập 3. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội, 1248 trang.

MEDICINAL PLANTS IN NORTHERN HUONG HOA NATURE RESERVE AREA

Tran Minh Hoi, Luong Thi Thu Huong, Nguyen Quang Anh

Summary

Medicinal plants represent an important group in Northern Huong Hoa Nature Reserve Area, Quang Tri province. It is rather abundant in the number of species with 440 species belonging to 348 genera and 137 families in five divisions of higher vascular plants, among them, the Magnoliophyta is the biggest division with numbers of families, genera and species therwhile Lycopodiophyta is the smallest. In class Magnoliopsida there are 103 families, 295 genera and 390 species. There are five families with more than ten medicinal species as the Asteraceae – 35 species, Fabaceae – 28 species, Euphorbiaceae – 22 species, Moraceae – 16 species and Rubiaceae – 13 species. There are seventeen species listed in the Red Data Book of Vietnam (2007), fourteen species in the Red List of Medicinal Plants of Vietnam, 2006 and seven species in the Governmental Decree 32/2006/NĐ/CP. A lot of species have large reserves for exploitation in the area.

Keywords: Medicinal plants, endangered and precious medicinal plants.

Người phản biện: TS. Nguyễn Trung Thành